

Số: 50 /TB-UBND

Quảng Trị, ngày 21 tháng 4 năm 2014

THÔNG BÁO

**Kế hoạch vốn TPCP giai đoạn 2014-2016 thực hiện
Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới**

Căn cứ văn bản số 561/BKHĐT-KTNN ngày 25/01/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc thông báo vốn Trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2014 - 2016 thực hiện Chương trình MTQG về xây dựng NTM;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 93/SKH-NN ngày 11 tháng 4 năm 2014 về việc thông báo kế hoạch vốn TPCP giai đoạn 2014-2016 thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới;

Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo kế hoạch vốn TPCP giai đoạn 2014-2016 thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới cho các chủ đầu tư như biểu kèm theo Thông báo này;

Căn cứ mức vốn trực tiếp của chương trình tại Thông báo này giai đoạn 2014-2016 (03 năm), trong đó mức vốn năm 2014 đã được UBND tỉnh bố trí tại Quyết định số 398/QĐ-UBND ngày 07/3/2014, UBND các huyện, thị xã chủ động lồng ghép và huy động các nguồn vốn khác để thực hiện chương trình NTM trên địa bàn; thực hiện thông báo phân bổ cho từng xã. Các chủ đầu tư chủ động sắp xếp thứ tự ưu tiên, lập, phê duyệt các dự án đầu tư, thực hiện kế hoạch đầu tư trong từng năm, đảm bảo không vượt mức vốn của cả giai đoạn được thông báo.

Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Thông báo này.

Yêu cầu các địa phương, các chủ đầu tư triển khai thực hiện đảm bảo các quy định hiện hành đối với chương trình và báo cáo tình hình thực hiện định kỳ theo quy định, gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư và Văn phòng điều phối Chương trình MTQG xây dựng NTM tỉnh (Chi cục phát triển nông thôn) để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh. /

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- TT/HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các Phó VP UBND tỉnh;
- Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư (2b), Tài chính, Nông nghiệp và PTNT;
- Kho bạc Nhà nước tỉnh;
- UBND các huyện và UBND TX Q. Trị;
- Các chủ đầu tư (biểu kèm theo)
- Lưu: VT, NN

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Cường

PHÂN BỐ VỐN TPCP GIAI ĐOẠN 2014-2016
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

(Kèm theo Thông báo số 50 /TB-UBND ngày 24 /4/ 2014 của UBND tỉnh Quảng Trị)

ĐVT: triệu đồng

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Giai đoạn 2014-2016			Ghi chú
			Số xã được hỗ trợ	Tổng vốn hỗ trợ giai đoạn 2014-2016	Trong đó: Đã giao KH năm 2014 tại QĐ số 398/QĐ-UBND ngày 07/3/2014	
	TỔNG CỘNG			192.000	64.000	
A	Hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng các xã		117	176.280	58.760	
I	Các xã ưu tiên theo NQ số 65/2013/NQ13 ngày 28/11/2013 của Quốc hội Khóa XIII		42	85.680	28.560	
1	Các xã ĐBKK, xã biên giới theo QĐ 2405/QĐ-TTg ngày 10/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ		27	55.080	18.360	
-	Huyện Vĩnh Linh (01 xã): Vĩnh Ô	UBND các xã	1	2.040	680	
-	Huyện Gio Linh (02 xã): Linh Thượng, Vĩnh Trường	UBND các xã	2	4.080	1.360	
-	Huyện Đakrông (08 xã): A Bung, A Ngo, A Vao, Ba Nang, Đakrông, Húc Nghi, Tà Long, Tà Rụt	UBND các xã	8	16.320	5.440	
-	Huyện Hướng Hóa (16 xã): Tân Long, Tân Thành, Thuận, Ba Tầng, Hướng Phùng, A Dơi, A Túc, Húc, Hướng Lập, Hướng Linh, Hướng Lộc, Hướng Sơn, Hướng Tân, Hướng Việt, Thanh, Xy	UBND các xã	16	32.640	10.880	
2	Các xã ĐBKK vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2013-2015 theo QĐ 539/QĐ-TTg ngày 01/4/2013		12	24.480	8.160	
-	Huyện Hải Lăng (02 xã): Hải An, Hải Khê	UBND các xã	2	4.080	1.360	
-	Huyện Vĩnh Linh (03 xã): Vĩnh Thái, Vĩnh Thạch, Vĩnh Giang	UBND các xã	3	6.120	2.040	
-	Huyện Gio Linh (03 xã): Trung Giang, Gio Hải, Gio Việt	UBND các xã	3	6.120	2.040	
-	Huyện Triệu Phong (04 xã): Triệu Vân, Triệu An, Triệu Lăng, Triệu Phước	UBND các xã	4	8.160	2.720	
3	Các xã có tỷ lệ hộ nghèo trên 15% thuộc huyện nghèo Đakrông theo NQ 30a		3	6.120	2.040	

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Giai đoạn 2014-2016			Ghi chú
			Số xã được hỗ trợ	Tổng vốn hỗ trợ giai đoạn 2014-2016	Trong đó: Đã giao KH năm 2014 tại QĐ số 398/QĐ-UBND ngày 07/3/2014	
	Huyện Đakrông (03 xã): Mô Ó, Hướng Hiệp, Hải Phúc	UBND các xã	3	6.120	2.040	08 xã : A Bung, A Ngo, A Vao, Ba Nang, Đakrông, Húc Nghi, Tà Long, Tà Rụt đã hỗ trợ theo tiêu chí xã ĐBKK theo QĐ 2405/QĐ-TTg
4	Các xã được Chủ tịch nước bảo trợ					
-	Huyện Vĩnh Linh (01 xã): Vĩnh Thạch					Xã Vĩnh Thạch đã hỗ trợ theo xã ĐBKK vùng bãi ngang ven biển và hải đảo
II	Các xã khác		75	90.600	30.200	
1	Các xã đạt từ 13 tiêu chí về nông thôn mới trở lên		11	21.450	7.150	
-	Huyện Vĩnh Linh (05 xã): Vĩnh Lâm, Vĩnh Kim, Vĩnh Thủy, Vĩnh Hiền, Vĩnh Thành	UBND các xã	5	9.750	3.250	Xã Vĩnh Thạch đã hỗ trợ theo xã ĐBKK vùng bãi ngang ven biển và hải đảo
-	Huyện Cam Lộ (02 xã): Cam Thủy, Cam An	UBND các xã	2	3.900	1.300	

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Giai đoạn 2014-2016			Ghi chú
			Số xã được hỗ trợ	Tổng vốn hỗ trợ giai đoạn 2014-2016	Trong đó: Đã giao KH năm 2014 tại QĐ số 398/QĐ-UBND ngày 07/3/2014	
-	Huyện Triệu Phong (02 xã): Triệu Thành, Triệu Thuận	UBND các xã	2	3.900	1.300	
-	Huyện Hải Lăng (01 xã): Hải Phú	UBND Hải Phú	1	1.950	650	
-	Thị xã Quảng Trị (01 xã): xã Hải Lệ	UBND Hải Lệ	1	1.950	650	
2	Các xã điểm của tỉnh, huyện		11	21.450	7.150	
	Huyện Vĩnh Linh (01 xã): Vĩnh Trung	UBND xã Vĩnh Trung	1	1.950	650	05 xã : Vĩnh Thạch đã hỗ trợ theo xã ĐBKK vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; xã Vĩnh Lâm, Vĩnh Kim, Vĩnh Hiền, Vĩnh Thủy đã hỗ trợ theo xã đạt từ 13 tiêu chí
	Huyện Gio Linh (03 xã): Gio An, Gio Mai, Gio Phong	UBND các xã	3	5.850	1.950	01 xã: Xã Trung Giang đã nằm trong danh mục các xã ĐBKK vùng bãi ngang ven biển và hải đảo

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Giai đoạn 2014-2016			Ghi chú
			Số xã được hỗ trợ	Tổng vốn hỗ trợ giai đoạn 2014-2016	Trong đó: Đã giao KH năm 2014 tại QĐ số 398/QĐ-UBND ngày 07/3/2014	
	Huyện Triệu Phong (01 xã): Triệu Trạch,	UBND xã Triệu Trạch	1	1.950	650	03 xã : Triệu Phước đã hỗ trợ theo xã ĐBKK vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; xã Triệu Thành, Triệu Thuận đã hỗ trợ theo xã đạt từ 13 tiêu chí
	Huyện Hải Lăng (04 xã): Hải Thượng, Hải Ba, Hải Tân, Hải Lâm	UBND các xã	4	7.800	2.600	01 xã: Hải Phú đã hỗ trợ theo xã đạt từ 13 tiêu chí
	Huyện Cam Lộ (01 xã): Cam Nghĩa	UBND Cam Nghĩa	1	1.950	650	02 xã : Cam Thủy, Cam An đã hỗ trợ theo xã đạt từ 13 tiêu chí

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Giai đoạn 2014-2016			Ghi chú
			Số xã được hỗ trợ	Tổng vốn hỗ trợ giai đoạn 2014-2016	Trong đó: Đã giao KH năm 2014 tại QĐ số 398/QĐ-UBND ngày 07/3/2014	
-	Huyện Đakrông					03 xã : A Ngo đã hỗ trợ theo xã ĐBKK theo QĐ 2405/QĐ-TTg ; xã Mô Ó, Hướng Hiệp hỗ trợ theo xã có tỷ lệ hộ nghèo trên 15 %
	Huyện Hướng Hóa (01 xã): Tân Liên	UBND xã Tân Liên	1	1.950	650	03 xã : Thuận, Hướng Phùng, A Túc đã hỗ trợ theo xã ĐBKK theo QĐ 2405/QĐ-TTg
-	Thị xã Quảng Trị					01 xã Hải Lệ: Đã hỗ trợ theo xã đạt từ 13 tiêu chí
3	Các xã khác còn lại		53	47.700	15.900	
-	Huyện Vĩnh Linh (09 xã), gồm: Vĩnh Khê, Vĩnh Hà, Vĩnh Long, Vĩnh Nam, Vĩnh Tú, Vĩnh Hòa, Vĩnh Tân, Vĩnh Chấp, Vĩnh Sơn	UBND các xã	9	8.100	2.700	
-	Huyện Gio Linh (11 xã): Trung Hải, Trung Sơn, Gio Mỹ, Gio Bình, Gio Châu, Gio Sơn, Linh Hải, Gio Hòa, Hải Thái, Gio Quang, Gio Thành	UBND các xã	11	9.900	3.300	

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Giai đoạn 2014-2016			Ghi chú
			Số xã được hỗ trợ	Tổng vốn hỗ trợ giai đoạn 2014-2016	Trong đó: Đã giao KH năm 2014 tại QĐ số 398/QĐ-UBND ngày 07/3/2014	
-	Huyện Triệu Phong (11 xã): Triệu Ái, Triệu Giang, Triệu Thượng, Triệu Sơn, Triệu Trung, Triệu Tài, Triệu Độ, Triệu Đại, Triệu Đông, Triệu Long, Triệu Hòa	UBND các xã	11	9.900	3.300	
-	Huyện Hải Lăng (12 xã), gồm: Hải Xuân, Hải Quy, Hải Quế, Hải Vĩnh, Hải Dương, Hải Thiện, Hải Thành, Hải Hòa, Hải Trường, Hải Thọ, Hải Sơn, Hải Chánh	UBND các xã	12	10.800	3.600	
-	Huyện Cam Lộ (05 xã): Cam Chính, Cam Thành, Cam Thanh, Cam Tuyền, Cam Hiếu	UBND các xã	5	4.500	1.500	
-	Huyện Đakrông (02 xã): Triệu Nguyên, Ba Lòng	UBND các xã	2	1.800	600	
-	Huyện Hướng Hóa (03 xã): Tân Hợp, Tân Lập, A Xing	UBND các xã	3	2.700	900	
B	Hỗ trợ đầu tư Trự sở xã			7.500	5.240	
1	Các dự án đã hoàn thành				2.450	
	Trụ sở UBND xã Tà Rụt	UBND huyện Đakrông			231	
	Trụ sở UBND xã Hướng Sơn	UBND huyện Hướng Hóa			241	
	Trụ sở UBND xã Cam Thành	UBND huyện Cam Lộ			341	
	Trụ sở UBND xã Vĩnh Tân	UBND huyện Vĩnh Linh			157	
	Trụ sở UBND xã Vĩnh Trường	UBND huyện Gio Linh			151	
	Trụ sở UBND xã Hải Quế	UBND huyện Hải Lăng			650	
	Trụ sở UBND xã Hải Lệ	UBND TX Quảng Trị			679	
2	Các dự án chuyển tiếp			4.000	1.290	
	Trụ sở UBND xã Hướng Lộc	UBND huyện Hướng Hóa		2.000	490	
	Trụ sở UBND xã Triệu Ái	UBND huyện Triệu Phong		2000	800	
3	Hỗ trợ các dự án khởi công mới			3.500	1.500	
	Trụ sở UBND xã Cam Thủy	UBND huyện Cam Lộ		2000	1.000	
	Cải tạo, mở rộng Trụ sở làm việc Chi cục PTNT	Chi cục PTNT		1500	500	
B	Đề lại giao sau			8.220		